TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/04/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Vui

Ông Nguyễn Đình Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1986, có mặt

Địa chỉ: Tổ 10, KP.5, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Mã Văn Nhì, sinh năm 1984, có mặt

Địa chỉ: Tổ 10, KP.5, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị C và anh Mã Văn N sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì tự nguyện về C sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Nthiếu sự quan tâm, thấu hiểu, không lo làm ăn, suốt ngày chỉ lo tranh chấp về đất đai, tài sản, nói xấu vợ, khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, nặng nề. Nay chị C thấy không thể tiếp tục C sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Nhì.

Về con C: Trong quá trình C sống, chị C và anh Ncó 02 con C tên là Mã Chí V, sinh ngày 21/6/2013 và Mã Minh K, sinh ngày 13/4/2017. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con C. Hiện nay, chị C đang làm nghề làm tóc, có tiệm riêng, thu nhập mỗi tháng trung bình 15.000.000đ nên có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh Nphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản C: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ C: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mã Văn Ntrình bày:

Về quan hệ hôn nhân, anh C thống nhất cả hai tự nguyện về C sống với nhau từ năm 2011. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Nay anh Nvẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị C vẫn nhất quyết ly hôn thì phải đưa cho anh Nsố tiền 400.000.000đ tiền bán đất năm 2021 mà chị C đang giữ thì anh Nmới đồng ý ly hôn.

Về con C: Thống nhất vợ chồng có 02 con C tên tên là Mã Chí V, sinh ngày 21/6/2013 và Mã Minh K, sinh ngày 13/4/2017. Khi ly hôn anh N chỉ đồng ý để chị C được trực tiếp nuôi cháu Vỹ còn anh Nyêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Khang. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản C: Anh Nthỏa thuận phân chia cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ C: Không có vay nợ của ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Mã Văn Nhì.

Về con C: Đề nghị Hội đồng xét xử ghị nhận sự tự nguyện của đương sự giao 02 người con tên Mã Chí V, sinh ngày 21/6/2013 và Mã Minh K, sinh ngày 13/4/2017 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản C: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ C: Chị C, anh Nkhai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ncư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị C thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên thấy rằng: chị C và anh Nkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2011. Đây là hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Theo chị C thì hai vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Nkhông quan tâm, không chăm lo cho vợ con. Mặc dù lời khai của các bên còn mâu thuẫn về thời gian cũng như nguyên nhân mâu thuẫn nhưng chị C thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này, nhất quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Anh Ncho rằng còn thương vợ, thương con, không đồng ý ly hôn nhưng lại đặt điều kiện đồng ý ly hôn khi chị C đưa số tiền 400.000.000đ chị C đang cầm từ việc bán đất. Như vậy, cho thấy anh Ncũng không thật sự còn thương vợ như lời anh Nnói. Yêu cầu của chị C về ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con C: Cần giao 02 người con tên Mã Chí V, sinh ngày 21/6/2013 và Mã Minh K, sinh ngày 13/4/2017. cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản C: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ C: Chị C, anh Nkhai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Mã Văn Nhì.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 19/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con C: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao 02 người con tên Mã Chí V, sinh ngày 21/6/2013 và Mã Minh K, sinh ngày 13/4/2017. cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản C: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ C: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014397 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Quốc Thành